

Bản án số: 423/2017/HSST
Ngày: 19/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Châu.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Giáo
2. Ông Bùi Quang Việt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông L Lê Trọng Nghĩa - Cán bộ
tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:* Ông Phạm Đức Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số 510/2017/HSST, ngày 03/10/2017 đối với các bị cáo:

1. Trần Thuyền L; (tên gọi khác: N); sinh ngày 17/8/1988, tại tỉnh TG ; giới tính: Nữ; đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp BQ , xã BP , thị trấn CL , tỉnh TG ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 10/12; con ông Trần Trọng N và bà Trương Kim T ; bị cáo chung sống như vợ chồng với Ngonadi C và 03 con lớn nhất sinh năm 2008 nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Dũng T ; tên gọi khác: không; sinh ngày 01/01/1986, tại tỉnh HG ; giới tính: Nam; đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp NH , xã NNA , huyện NNA , tỉnh HG ; chỗ ở: 52-54 khu công nghiệp TTA , phường TTA , quận BT , Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: thợ mài kính; trình độ văn hóa: 07/12; con ông Lê Hoàng T và bà Thái Thị H ; bị cáo có vợ và 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam ngày 20/5/2015; có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Chị Lê Thị N , sinh năm 1988; trú tại: Thôn Tráng V , xã ĐT , huyện YM, tỉnh HY ; vắng mặt.
2. Chị TTX , sinh năm 1984; trú tại: 220/PT tổ 8, BT B, phường LT, quận BT, thành phố CT ; vắng mặt.
3. Chị Nguyễn Thị Bích T , sinh năm 1981; trú tại: 137/24 Nguyễn Hữu C , phường 22, quận BT , Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.
4. Chị Nguyễn Thị Thu H , sinh năm 1986; trú tại: Xã VP , huyện VB , thành phố HP ; vắng mặt.
5. Bà Tạ Thị Hoàng V , sinh năm 1972; trú tại: 92 Ngô Thị Thu M , Phường 2, quận TB , Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.
6. Chị Phạm Thu H , sinh năm 1988; trú tại: tổ 6, thị trấn AD , huyện AD , thành phố HP ; vắng mặt.
7. Chị Võ Thị Ngọc T ; sinh năm 1988; trú tại: 882/4/2 ấp 2, xã LT , huyện NT , tỉnh ĐN ; vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Trần Thuyên L, Lê Dũng T bị Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Từ tháng 01/2014 đến tháng 5/2015, một số đối tượng mang quốc tịch Nigeria đã lấy các tên Samson, Migeal Murra, James Morgan (hiện cơ quan điều tra chưa xác định được tên thật và địa chỉ cụ thể) và thông qua mạng internet tạo các địa chỉ facebook, email, zalo, viber để trò chuyện làm quen với phụ nữ độc thân Việt Nam. Sau khi lấy được lòng tin, các đối tượng mang quốc tịch Nigeria đã đưa thông tin là muốn sang Việt Nam sinh sống hoặc hứa hẹn kết hôn, bảo lãnh những người phụ nữ này ra nước ngoài. Để làm tin, các đối tượng này đưa ra thông tin sẽ gửi tiền, quà về Việt Nam làm vật đính hôn hoặc sử dụng vào việc chuẩn bị mua, thuê nhà trước khi đám cưới, hoặc để lo các giấy tờ trước khi xuất cảnh, nếu là tiền sẽ được gửi qua Ngân hàng Ranbobank có trụ sở tại Luân Đôn, Vương Quốc Anh, nếu là quà sẽ gửi qua công ty vận chuyển hàng có chi nhánh tại Việt Nam. Các đối tượng tạo ra nhiều địa chỉ email giả danh Ngân hàng Ranbobank, công ty vận chuyển hàng với địa chỉ email được đăng ký tại Mỹ (cơ quan chức năng Việt Nam không thể trích xuất được các thông tin này) và dùng các địa chỉ email được tạo ra để gửi thông báo cho những người phụ nữ Việt Nam thông báo là tiền, hàng đã được chuyển về, cùng lúc có một đối tượng tên Nguyen Thuy Ngoc Lan tự xưng là nhân viên ngân hàng hoặc nhân viên công ty vận chuyển hàng được ủy quyền tại Việt Nam gọi điện thoại di động cho các phụ nữ nêu trên yêu cầu gửi tiền vào các tài khoản do bọn chúng chỉ định để trả phí dịch vụ vận chuyển hàng hóa hoặc lệ phí chuyển tiền. Các phụ nữ Việt Nam do nhẹ dạ, cả tin nên

đã chuyển tiền theo yêu cầu thậm chí có một số trường hợp sau khi đã chuyển tiền theo yêu cầu, các đối tượng này còn gọi điện yêu cầu tiếp tục chuyển thêm tiền mới được nhận tiền và quà từ nước ngoài chuyển về và những người phụ nữ này lại tiếp tục chuyển tiền vào các tài khoản do bọn chúng chỉ định. Sau khi tiền chuyển vào tài khoản do các đối tượng lừa đảo chỉ định, bọn chúng lập tức cho người rút ra và chia nhau tiêu xài và cắt đứt liên lạc. Sau một thời gian do không nhận được tiền, quà và cũng không liên lạc được với các đối tượng đã hứa hẹn với mình, biết đã bị lừa nên làm đơn tố cáo gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ công an.

Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh và xác định được: các đối tượng quốc tịch Nigieria, trong đó có đối tượng tên Samson (không rõ địa chỉ) là người quen của Trần Thuyên L đã nhờ L mở giúp 02 tài khoản ATM tại Ngân hàng Á Châu, Sacombank. L đồng ý giúp và nhờ bạn là Lê Dũng T đến Ngân hàng Sacombank mở tài khoản ATM số 060086808857 và đến Ngân hàng Á Châu để mở tài khoản ATM số 182662699 (cả 02 tài khoản đều do T làm chủ tài khoản). Sau khi mở tài khoản xong, được ngân hàng cấp thẻ ATM, mã pin T đã đưa cho toàn bộ thẻ và mã Pin, và 02 sim điện thoại số 01697587260, 01264046380 (dùng để đăng ký internet banking 02 tài khoản nêu trên) cho L và được L trả công 5.000.000 đồng. Sau khi nhận được thẻ, mã pin, sim điện thoại L giao lại toàn bộ cho Samson và được Samson cùng đồng bọn sử dụng để làm tài khoản cho các người phụ nữ Việt Nam đã nêu ở trên chuyển tiền vào theo yêu cầu của bọn chúng và sau đó được các đối tượng này rút ra sử dụng hết. Sau một thời gian sử dụng các tài khoản này, Samson làm mất thẻ ATM của Ngân hàng Sacombank và thẻ ATM của ngân hàng Á Châu bị khóa nên có yêu cầu L, T lên ngân hàng làm lại thẻ mới, đến ngày 11/9/2014 khi được người nhà cho biết là có công an đến tìm mình thì T mới hỏi L và L hỏi lại Samson thì được Samson cho biết về việc lừa đảo cũng như cách thức sử dụng 02 tài khoản mà L, T đã làm giúp cho Samson trong quá trình lừa đảo như thế nào. L, T sau khi biết sự việc đã không báo cho cơ quan chức năng về hành vi phạm tội của Samson cùng đồng bọn mà còn thỏa thuận với Samson, giúp Samson cùng đồng bọn bằng cách L, T sẽ đến ngân hàng rút tiền mặt và chủ động giữ lại 10% để chia nhau (mỗi bị cáo 5%) và giao 90% số tiền rút được cho Samson.

Qua quá trình điều tra, có đầy đủ chứng cứ để chứng minh L, T đã giúp sức cho các đối tượng có quốc tịch Nigieria là Samson và đồng bọn thực hiện hành vi lừa đảo 07 người bị hại với tổng số tiền là 389.993.617 đồng, gồm: Chị Lê Thị N đã chuyển vào tài khoản của T nhiều lần với tổng số tiền 32.500.000 đồng; Chị TTX đã chuyển vào tài khoản của T là 15.000.000 đồng; Chị Nguyễn Thị Bích T đã chuyển vào tài khoản của T là 32.340.426 đồng; Chị Nguyễn Thị Thu H đã chuyển vào tài khoản của T là 32.340.000 đồng; Bà Tạ Thị Hoàng V đã chuyển vào tài khoản của T là 214.000.000 đồng; Chị Phạm Thu H đã chuyển vào tài khoản của T là 42.553.191 đồng; Chị Võ Thị Ngọc T đã chuyển vào tài khoản của T là 21.260.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra Trần Thuyên L và Lê Dũng T đã thừa nhận hành vi mở tài khoản, giúp sức cho Samson lừa đảo chiếm đoạt tài sản của những người bị hại như đã nêu trên.

Ngoài ra còn có một số người phụ nữ khác đã gửi tiền vào tài khoản của Lê Dũng T tại Ngân hàng Sacombank và Ngân hàng Á Châu, tuy nhiên qua quá trình điều tra cho đến nay chưa đủ chứng cứ để xác định những người phụ nữ này là bị hại trong vụ án nên ngày 08/12/2016 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định tách vụ án hình sự để tiếp tục điều tra thu thập chứng cứ, khi nào có đầy đủ chứng cứ thì tiến hành xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 79/CT-VKS-P2 ngày 11/01/2017 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Trần Thuyên L, Lê Dũng T về tội về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Trần Thuyên L, Lê Dũng T thừa nhận hành vi của mình đúng như nội dung mà bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày bản luận tội, tranh luận như sau: Quá trình điều tra, thẩm vấn, tranh luận công khai tại phiên tòa có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Trần Thuyên L, Lê Dũng T chỉ vì chút lợi nhỏ đã có hành vi giúp sức cho các đối tượng người Nigeria là Samson và đồng bọn thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của những người bị hại với tổng số tiền bị chiếm đoạt là 389.993.617 đồng. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Thuyên L, Lê Dũng T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ Bộ luật Hình sự, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trần Thuyên L 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20, 53 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê Dũng T từ 05 năm đến 06 năm tù.

Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường theo yêu cầu của những người bị hại, xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Các bị cáo không tham gia tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để các bị cáo có điều kiện bồi thường, khắc phục hậu quả đã gây ra cho người bị hại.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Căn cứ lời khai nhận của các bị cáo Trần Thuyên L, Lê Dũng T tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa phù hợp với các vật chứng đã được thu giữ, phù hợp với lời khai người làm chứng, người bị hại cùng những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Các đối tượng người Nigeria là Samson cùng đồng bọn đã dùng thủ đoạn gian dối là đưa ra thông tin không đúng sự thật là sẽ gửi tiền, quà về cho những người bị hại và yêu cầu những người bị hại phải gửi tiền vào các tài khoản do bọn chúng chỉ định để trả phí dịch vụ vận chuyển hàng hóa hoặc lệ phí chuyển tiền mới nhận được tiền và quà; các đối tượng này đã làm cho người bị hại tin là thật và chuyển tiền vào các tài khoản mà các đối tượng này chỉ định, ở đây là các tài khoản đứng tên Lê Dũng T, các tài khoản này là do các bị cáo Trần Thuyên L, Lê Dũng T lập theo thỏa thuận giữa các bị cáo với Samson. Sau khi toàn bộ tiền được những người bị hại chuyển vào tài khoản của Lê Dũng T, dù biết rõ số tiền này là do Samson và đồng bọn lừa đảo từ những người bị hại là những người phụ nữ nhẹ dạ, cả tin nhưng L và T vẫn rút ra và chuyển cho Samson và đồng bọn như thỏa thuận, các bị cáo được Samson chia lại cho mỗi người 5% trên tổng số tiền rút được. Như vậy, chỉ vì lười lao động nhưng vẫn muốn có tiền tiêu xài mà các bị cáo Trần Thuyên L, Lê Dũng T đã có hành vi giúp sức cho các đối tượng người Nigeria là Samson cùng đồng bọn thực hiện hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tiền của những người bị hại nhẹ dạ, cả tin với tổng số tiền 389.993.617 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định theo điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Thuyên L, Lê Dũng T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bản thân các bị cáo đều là người Việt Nam nhưng chỉ vì một chút lợi ích nhỏ mà tiếp tay cho những đối tượng người nước ngoài thực hiện hành vi lừa đảo những người phụ nữ Việt Nam nhẹ dạ. Các bị cáo biết rõ tiền là do Samson và đồng bọn thực hiện hành vi lừa đảo

nhưng vẫn tiếp tay cho các đối tượng này chiếm đoạt tiền của người bị hại, nhiều lần thực hiện việc rút tiền khi người bị hại chuyển vào tài khoản của T, sau khi rút được chuyển lại cho đối tượng tên Samson rồi mỗi bị cáo hưởng 5% trên số tiền đã chiếm đoạt. Điều này thể hiện ý thức coi thường pháp luật của các bị cáo. Do đó, đối với các bị cáo Trần Thuyên L, Lê Dũng T cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi, mức độ phạm tội của bị cáo đã gây ra.

Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bản thân các bị cáo học vấn thấp, các bị cáo chỉ là đồng phạm giúp sức với vai trò thứ yếu và từ trước đến nay có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, gia đình bị cáo T cung cấp cho Hội đồng xét xử tài liệu thể hiện mẹ của bị cáo là bà Thái Thị Hà được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất nên áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự để giảm cho bị cáo phần hình phạt lẽ ra bị cáo phải chịu.

Đối với bị cáo L có hoàn cảnh khó khăn phải nuôi 03 con nhỏ lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2013, không rõ cha của các bé hiện nay ở đâu nhưng bị cáo vẫn cố gắng khắc phục phần lớn thiệt hại, bồi thường toàn bộ số tiền cho chị Võ Thị Ngọc T và chị Nguyễn Thị Bích T. Chị Thúy, Tuyền có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L, nên áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xét, bị cáo L có nhiều tình tiết giảm nhẹ, xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, cho bị cáo hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Thuyên L đã bồi thường cho chị Võ Thị Ngọc T số tiền là 21.260.000 đồng; chị Nguyễn Thị Bích T số tiền là 32.340.426 đồng. Nay chị Thúy, Tuyền không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Những người bị hại còn lại yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường, cụ thể: chị Lê Thị N : 32.500.000 đồng; chị TTX : 15.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Thu H : 32.340.000 đồng; bà Tạ Thị Hoàng V : 214.000.000 đồng; chị Phạm Thu H : 42.553.191 đồng; tổng cộng là 336.393.191 đồng, đồng thời các bị cáo cũng đồng ý bồi thường nên ghi nhận.

Ngoài ra, số tiền 47.055.000 đồng trong tài khoản tại Ngân hàng Sacombank của Trần Thuyên L, không liên quan đến vụ án. Bị cáo L đồng ý khấu trừ số tiền này vào nghĩa vụ phải bồi thường nên ghi nhận.

Đối với chị TTX hiện nay không có mặt tại nơi cư trú, Để đảm bảo quyền lợi của các đương sự, Tòa án đã tiến hành niêm yết giấy triệu tập và các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Về xử L vật chứng:

- 01 điện thoại di động Nokia 525 màu đen, 01 điện thoại di động Nokia số Imei 358914/02/432261/2. Xét thấy các đồ vật này đều là các tài sản cá nhân của T nên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án .

- 01 giấy CMND mang tên Lê Dũng T ; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 95H1- 108.43 mang tên Lê Dũng T ; 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Dũng T . Xét thấy các đồ vật này đều là các giấy tờ cá nhân của T không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

- 01 điện thoại di động Nokia màu đen Model: RM-944, 01 điện thoại nokia màu trắng Model: RM-1035, 01 điện thoại Samsung dòng Duos màu trắng, 01 điện thoại Iphone màu vàng, số IMEI: 359231060289962. Xét thấy các đồ vật này đều là các tài sản cá nhân của L nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Số tiền 47.055.000 đồng trong tài khoản tại Ngân hàng Sacombank của Trần Thuyên L, không liên quan đến vụ án. Bị cáo L đồng ý khấu trừ số tiền này vào nghĩa vụ phải bồi thường cho các bị hại nên tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- 02 thẻ visa ACB số 4214943513384490 và 4214945800209173, 01 thẻ visa Sacombank số 4221510001858763, 01 sổ hộ chiếu mang tên Trần Thuyên L không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo L .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Thuyên L, Lê Dũng T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”,

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Điều 53 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Dũng T** : 05 (năm) tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 20/5/2015.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Thuyên L**: 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Thuyên L cho Ủy ban nhân dân xã BP , thị trấn CL , tỉnh TG giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 587; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Trần Thuyên L, Lê Dũng T phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho những bị hại, như sau:

Chị Lê Thị N : 32.500.000 đồng; chị TTX : 15.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Thu H : 32.340.000 đồng; bà Tạ Thị Hoàng V : 214.000.000 đồng; chị Phạm Thu H : 42.553.191 đồng. Tổng cộng: 336.393.191 đồng (ba trăm ba mươi sáu triệu ba trăm chín mươi ba nghìn một trăm chín mươi một đồng). Trong đó bị cáo L : 141.396.382 đồng; T : 194.996.808 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự; Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Lê Dũng T : 1 điện thoại di động Nokia 525 màu đen, 01 điện thoại di động Nokia số Imei 358914/02/432261/2, nhưng tạm giữ các tài sản vừa nêu để đảm bảo thi hành án phần nghĩa vụ của bị cáo T trong vụ án .

- Trả lại cho bị cáo Lê Dũng T : 01 giấy CMND mang tên Lê Dũng T ; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 95H1- 108.43 mang tên Lê Dũng T ; 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Dũng T .

- Trả lại cho bị cáo Trần Thuyên L: 01 điện thoại di động Nokia màu đen Model: RM-944, 01 điện thoại nokia màu trắng Model: RM-1035, 01 điện thoại Samsung dòng Duos màu trắng, 01 điện thoại Iphone màu vàng, số IMEI: 359231060289962, nhưng tạm giữ các tài sản vừa nêu để đảm bảo thi hành án phần nghĩa vụ của bị cáo L trong vụ án.

- Trả lại cho bị cáo Trần Thuyên L 02 thẻ visa ACB số 4214943513384490 và 4214945800209173, 01 thẻ visa Sacombank số 4221510001858763, 01 sổ hộ chiếu mang tên Trần Thuyên L

(Vật chứng theo biên bản giao tang tài vật số 191/17 ngày 03/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 47.055.000 đồng của bị cáo Trần Thuyên L để đảm bảo thi hành án phần nghĩa vụ bồi thường của bị cáo.

(Lệnh chuyển tiền của Ngân hàng Sacombank chi nhánh Quận A ngày 22/8/2016 vào Kho bạc nhà nước Quận B theo tài khoản số 3949.0.9059.775 của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh)

Các bị cáo Trần Thuyên L, Lê Dũng T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo L phải chịu 7.069.819 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo T phải chịu 9.749.840 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo và đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Đương sự (3)
- THAHS TP.HCM; (1)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND xã nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Minh Châu